

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ 3 NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

CÔNG TY
CỔ PHẦN
GEMADEPT

Digitally signed by CÔNG TY
CỔ PHẦN GEMADEPT
DN: c=VN, st=HỒ CHÍ MINH,
l=Quận 1, cn=CÔNG TY CỔ
PHẦN GEMADEPT,
0.9.2342.19200300.100.1.1=
MST:0301116791
Date: 2024.10.28 18:00:14
+07'00'



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 09 năm 2024	2 - 5
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý 3 năm 2024	6
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Quý 3 năm 2024	7 - 8
5. Thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2024	9 - 37

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 06 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MỆ QUÝ 3 NĂM 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.636.687.016.966	1.969.741.947.225
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	368.994.410.382	514.197.116.108
1. Tiền	111		74.824.876.136	167.429.075.011
2. Các khoản tương đương tiền	112		294.169.534.246	346.768.041.097
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		325.240.638.000	333.147.734.905
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	34.301.944.940	45.723.235.680
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(24.061.306.940)	(32.575.500.775)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2c	315.000.000.000	320.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		863.513.744.888	1.039.337.375.798
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	134.929.881.268	130.023.721.549
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	35.979.436.402	33.518.149.160
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	179.623.500.000	544.707.987.801
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	547.542.185.396	365.412.666.829
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(34.561.258.178)	(34.325.149.541)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		4.868.380.429	3.957.668.877
1. Hàng tồn kho	141	V.8	4.868.380.429	3.957.668.877
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		74.069.843.267	79.102.051.537
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	4.499.773.222	2.314.999.321
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		69.133.556.528	76.709.820.237
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	436.513.517	77.231.979
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 06 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MỆ QUÝ 3 NĂM 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.953.065.718.304	5.799.265.536.730
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		521.012.606.113	92.544.073.675
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	498.000.000.000	74.500.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	23.012.606.113	18.044.073.675
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		902.001.115.236	933.147.981.885
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	890.870.298.621	902.963.242.988
- Nguyên giá	222		1.438.560.120.691	1.378.106.690.212
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(547.689.822.070)	(475.143.447.224)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	44.228.237	16.406.414.089
- Nguyên giá	225		235.413.682.251	235.413.682.251
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(235.369.454.014)	(219.007.268.162)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	11.086.588.378	13.778.324.808
- Nguyên giá	228		36.451.249.794	36.258.749.794
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(25.364.661.416)	(22.480.424.986)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.984.032.992	48.461.259.145
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	1.984.032.992	48.461.259.145
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		4.524.903.098.719	4.717.431.390.270
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	3.653.046.588.505	3.870.020.640.710
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	1.816.684.673.941	1.816.684.673.941
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	5.000.000.000	5.000.599.762
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(959.828.163.727)	(974.274.524.143)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2d	10.000.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.164.865.244	7.680.831.755
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	3.164.865.244	7.680.831.755
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		7.589.752.735.270	7.769.007.483.955

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 06 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 3 NĂM 2024**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		622.886.641.170	709.364.926.026
I. Nợ ngắn hạn	310		432.737.777.227	469.626.425.956
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	23.919.053.009	25.112.982.321
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	1.031.731.214	37.840.591.688
4. Phải trả người lao động	314	V.17	60.383.320.157	44.654.517.622
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	1.014.148.522	1.064.249.497
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		2.539.755.945	8.477.602.875
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	204.704.456.420	188.146.477.122
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	79.123.134.894	133.552.700.266
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.21	-	1.752.276.539
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	60.022.177.066	29.025.028.026
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		190.148.863.943	239.738.500.070
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	189.850.516.235	238.959.649.880
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.23	298.347.708	778.850.190
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 06 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 3 NĂM 2024**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		6.966.866.094.100	7.059.642.557.929
I. Vốn chủ sở hữu	410		6.966.866.094.100	7.059.642.557.929
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.24a	3.104.869.570.000	3.058.985.570.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.104.869.570.000	3.058.985.570.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.24a	1.941.832.197.040	1.941.832.197.040
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.24a	69.388.382.902	69.388.382.902
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V.24a	(1.952.696.467)	(1.656.595.460)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.24a	72.682.100.796	72.682.100.796
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.24a	69.568.035.889	69.568.035.889
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.24a	1.710.478.503.940	1.848.842.866.762
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	V.24a	1.099.504.418.452	1.848.842.866.762
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b	V.24a	610.974.085.488	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		7.589.752.735.270	7.769.007.483.955

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 10 năm 2024


Vũ Thị Anh Thư
Người lập
Khoa Năng Lưu
Kế toán trưởngNguyễn Thanh Bình
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
(Dạng đầy đủ)
Quý 3 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	123.117.998.135	176.401.151.859	390.148.099.881	577.124.903.132
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		123.117.998.135	176.401.151.859	390.148.099.881	577.124.903.132
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	70.170.748.486	82.042.178.467	192.854.488.767	247.191.219.745
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		52.947.249.649	94.358.973.392	197.293.611.114	329.933.683.387
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	158.519.968.762	109.792.763.918	609.542.834.538	2.570.581.523.927
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	42.960.776.690	50.520.582.285	3.198.498.002	136.661.809.734
Trong đó: chi phí lãi vay	23		5.092.562.109	9.199.669.164	18.745.645.319	27.921.485.994
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	107.740.740	131.818.182	531.796.296	649.682.725
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	37.198.121.072	33.537.973.459	121.442.514.018	106.958.154.577
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		131.200.579.909	119.961.363.384	681.663.637.336	2.656.245.560.278
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.469.216.133	989.608.581	12.831.675.396	2.746.236.993
12. Chi phí khác	32	VI.8	38.250.000.000	4.552.497.610	38.250.000.000	5.841.415.110
13. Lợi nhuận khác	40		(36.780.783.867)	(3.562.889.029)	(25.418.324.604)	(3.095.178.117)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		94.419.796.042	116.398.474.355	656.245.312.732	2.653.150.382.161
PL Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		5.455.049.286	23.006.766.371	45.751.729.726	472.220.750.319
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(932.667.216)	860.450.900	(480.502.482)	254.104.718
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		89.897.413.972	92.531.257.084	610.974.085.488	2.180.675.527.124
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-	-	-

Vũ Thị Anh Thư
Người lập

Khoa Năng Lưu
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 10 năm 2024

Nguyễn Thanh Bình
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 3 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		656.245.312.732	2.653.150.382.161
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10, V.11, V.12	98.489.275.596	79.314.662.186
- Các khoản dự phòng	03	V.2, V.7	(24.476.722.153)	106.478.334.764
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3, VI.4	(1.478.412.936)	(6.145.509.481)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7	(597.921.866.055)	(2.536.579.031.149)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	18.745.645.319	27.921.485.994
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		149.603.232.503	324.140.324.475
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(26.640.744.443)	(65.094.499.757)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(910.711.552)	4.627.405.879
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		19.022.779.110	(19.122.930.577)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.508.182.671)	6.489.936.722
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		11.421.290.740	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.19, V.20, VI.4	(18.899.081.231)	(32.172.785.084)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(74.797.860.465)	(471.185.163.895)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(27.269.993.870)	(36.580.856.832)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		30.020.728.121	(288.898.569.069)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10, V.13	(31.292.471.387)	(254.328.889.382)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		6.475.023.030	1.690.770.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.5	(1.130.000.000.000)	(1.082.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.5	1.048.111.353.047	160.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2	(207.408.947.795)	(71.251.725.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		437.486.029.154	1.414.969.104.770
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		442.964.382.850	417.607.998.399
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		566.335.368.899	586.687.258.787

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 06 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 3 NĂM 2024**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		45.884.000.000	45.206.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		7.737.786.295	536.775.912.857
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(87.225.804.775)	(560.532.774.400)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(24.741.125.521)	(26.896.790.633)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(683.070.270.850)	(598.640.054.801)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(741.415.414.851)	(604.087.706.977)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(145.059.317.831)	(306.299.017.259)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	514.197.116.108	521.845.666.787
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(143.387.895)	1.378.730.134
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	368.994.410.382	216.925.379.662

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 10 năm 2024


Vũ Thị Anh Thư
 Người lập


Khoa Năng Lưu
 Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Bình
 Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gemadept (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Công ty kiên định với chiến lược tập trung phát triển hai lĩnh vực kinh doanh cốt lõi là Khai thác Cảng và Logistics:

- Khai thác cảng: Khai thác hệ thống cảng trải dọc từ Bắc chí Nam, tại các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm: cảng Nam Hải (đến ngày 18 tháng 03 năm 2024), cảng Nam Đình Vũ, Nam Hải ICD, cảng Dung Quất, cảng Phước Long, cảng Bình Dương và cảng nước sâu Gemalink Cái Mép;
- Logistics: Trung tâm phân phối; Vận tải container chuyên tuyến; Vận tải hàng siêu trường siêu trọng; Vận tải đa phương thức; Quản lý tàu và thuyền viên; Đại lý giao nhận; Ga hàng hóa hàng không,...

Ngoài ra, Công ty đầu tư một số dự án có chọn lọc trong lĩnh vực Trồng rừng và Bất động sản:

- Trồng rừng: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cây cao su và cây công nghiệp tại Campuchia;
- Bất động sản: Xây dựng và khai thác các trung tâm thương mại, khách sạn, cao ốc văn phòng ở các thành phố lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm dự án Khu phức hợp Saigon Gem, dự án Khu phức hợp tại Viêng Chăn – Lào.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong kỳ, Công ty tiếp tục góp vốn bổ sung vào Công ty Cổ phần Hoa Sen Thái Bình Dương, Công ty Cổ phần Niêm Kiều Hân Thái Bình Dương, Công ty TNHH MTV Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương, Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Hàng hải Thái Bình Dương và Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hải Thái Bình Dương.

Trong kỳ, Công ty đã hoàn tất thủ tục giải thể Chi nhánh Campuchia và chuyển nhượng vốn tại Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải.

Trong kỳ, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ 3.058.985.570.000 VND lên 3.104.869.570.000 VND bằng việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn dành cho cán bộ, nhân viên có thành tích xuất sắc của Công ty năm 2022 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 158/NQ-HĐQT-2023 ngày 28 tháng 12 năm 2023. Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 30 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 4 năm 2024 về việc tăng vốn điều lệ này.

6. Cấu trúc Công ty

Tại thời điểm cuối kỳ, Công ty có 16 công ty con và 10 công ty liên doanh, liên kết (tại thời điểm đầu năm Công ty có 17 công ty con và 10 công ty liên doanh, liên kết).

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 3 NĂM 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6a. Danh sách các công ty con tại thời điểm cuối kỳ

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ	Lô CA1, Khu công nghiệp Nam Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam	60,00%	60,00%	60,00%
Công ty Cổ phần ICD Nam Hải	Lô CN3, Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam	65,00%	65,00%	65,00%
Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Gemadept – Dung Quất	Bến số 1 – Cảng tổng hợp Dung Quất, Xã Bình Thuận, Huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam	80,40%	80,40%	80,40%
Công ty TNHH Cảng Phước Long	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ ⁽ⁱ⁾	429/4 Đường Song Hành Xa Lộ Hà Nội, Khu phố 7, Phường Trường Thọ, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	46,00%	46,00%	54,00%
Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Hàng hải Thái Bình Dương	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty TNHH ISS – Gemadept	45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hải Thái Bình Dương	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Thái Bình Dương	Rovak village, RoYo commune, Quận Koh Nhaek, Tỉnh Mondulkiri, Campuchia	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Hoa Sen Thái Bình Dương	Rovak village, RoYo commune, Quận Koh Nhaek, Tỉnh Mondulkiri, Campuchia	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Niềm Kiêu Hãnh Thái Bình Dương	Rovak village, RoYo commune, Quận Koh Nhaek, Tỉnh Mondulkiri, Campuchia	100%	100%	100%
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp V.N.M	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Gemadept	147 Nguyễn Thái Bình, Phường 3, TP. Tân An, Tỉnh Long An, Việt Nam	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty Cổ phần Gemadept Vũng Tàu	1/1A Phạm Hồng Thái, Phường 7, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	70,00%	70,00%	70,00%
Công ty Cổ phần Gemadept Miền Trung	Tầng 9, Tòa nhà Indochina Riverside Tower, 74 Bạch Đằng, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam	75,00%	75,00%	75,00%

- (i) Công ty nắm quyền kiểm soát Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ do được sự ủy quyền của một số cổ đông để đạt tỷ lệ quyền biểu quyết trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông là 54%.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 3 NĂM 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6b. Danh sách các công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm cuối kỳ

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link	Ấp Tân Lộc, Phường Phước Hòa, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	41,67%	41,67%	41,67%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	30 Phan Thúc Duyện, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	33,42%	33,42%	33,42%
Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	49,10%	49,10%	49,10%
Công ty TNHH Tiếp vận “K” Line – Gemadept	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty TNHH CJ Gemadept Shipping Holdings	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	51,00%	51,00%	50,00%
Công ty TNHH Golden Globe	Bán Sibunhuong, Quận Chanthabouly, Thủ đô Vientiane, Lào	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty TNHH Thương mại Quả Cầu Vàng	117 Lê Lợi, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	45,00%	45,00%	45,00%
Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm	267 Quang Trung, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam	26,56%	26,56%	26,56%
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm	Cầu Tum, Khu phố Hải Tân, Thị trấn Phước Hải, Huyện Đất Đỏ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty Cổ phần Thương cảng Vũng Tàu	973 Đường 30/4, Phường 11, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	26,78%	26,78%	26,78%

6c. Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Vận tải Thái Bình Dương	Lầu 15, số 35 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Cần Thơ	80-82-84 Lê Hồng Phong, Phường Bình Thủy, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam
Chi nhánh Vũng Tàu	Căn hộ LK 12, Chung cư Vũng Tàu Center, 93 Lê Lợi, Phường Thắng Nhì, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có 185 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 178 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Quý 3 năm 2024 bắt đầu từ ngày 01 tháng 07 năm 2024 và kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2024.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 3 NĂM 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 3 NĂM 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh giao dịch trên sàn UPCOM là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất với ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 3 NĂM 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 3 NĂM 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Hàng tồn kho bao gồm nhiên liệu và hàng hóa. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí bảo hiểm,

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 3 NĂM 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

chi phí lãi thuê tài chính container ... Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm phát sinh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian của hợp đồng bảo hiểm.

Chi phí lãi thuê tài chính container

Chi phí lãi thuê tài chính container được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 06 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của thiết bị và phương tiện vận tải không quá 06 năm.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 3 NĂM 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 – 08 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 3 NĂM 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty chủ yếu liên quan đến những tổn thất phải bồi thường trong quá trình vận chuyển.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 3 NĂM 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 3 NĂM 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	1.158.843.576	2.649.529.572
Tiền gửi ngân hàng	73.666.032.560	164.779.545.439
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng)	294.169.534.246	346.768.041.097
Cộng	368.994.410.382	514.197.116.108

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu						
Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức	20.067.290.650	10.240.638.000	(9.826.652.650)	31.488.264.362	13.147.432.455	(18.340.831.907)
Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan	14.234.321.100	-	(14.234.321.100)	14.234.321.100	-	(14.234.321.100)
Các cổ phiếu khác	333.190	-	(333.190)	650.218	371.448	(347.768)
Cộng	34.301.944.940	10.240.638.000	(24.061.306.940)	45.723.235.680	13.147.805.455	(32.575.500.775)

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 3 NĂM 2024**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(32.575.500.775)	(27.787.639.695)
Hoàn nhập/ (dự phòng) trong kỳ	8.514.193.835	(4.215.014.430)
Số cuối kỳ	(24.061.306.940)	(32.002.654.125)

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	3.653.046.588.505	(916.359.030.244)	3.870.020.640.710	(857.566.818.441)
Công ty Cổ phần Hoa Sen Thái Bình Dương ⁽ⁱⁱ⁾	1.001.105.367.595	(356.384.200.531)	885.548.244.800	(363.400.008.739)
Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Thái Bình Dương	586.721.892.380	(266.056.332.119)	586.721.892.380	(286.525.362.367)
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải ⁽ⁱ⁾	-	-	424.383.000.000	-
Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ	761.400.000.000	-	761.400.000.000	-
Công ty Cổ phần Niềm Kiêu Hãnh Thái Bình Dương ⁽ⁱⁱ⁾	547.652.024.530	(281.467.123.113)	479.450.199.530	(196.084.580.932)
Công ty TNHH Cảng Phước Long	300.000.000.000	-	300.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương ⁽ⁱⁱ⁾	110.000.000.000	(12.451.374.481)	96.850.000.000	(11.556.866.403)
Công ty Cổ phần ICD Nam Hải	78.000.000.000	-	78.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Gemadept Vũng Tàu	67.200.000.000	-	67.200.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Gemadept	60.000.000.000	-	60.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	41.730.000.000	-	41.730.000.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp V.N.M	35.000.000.000	-	35.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ	27.600.000.000	-	27.600.000.000	-
Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hải Thái Bình Dương ⁽ⁱⁱ⁾	10.000.000.000	-	3.500.000.000	-
Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Hàng hải Thái Bình Dương ⁽ⁱⁱ⁾	10.000.000.000	-	6.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Gemadept Miền Trung	15.000.000.000	-	15.000.000.000	-
Các công ty con khác	1.637.304.000	-	1.637.304.000	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	1.816.684.673.941	(41.008.782.056)	1.816.684.673.941	(114.427.981.601)
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link	834.150.000.000	-	834.150.000.000	(73.974.012.183)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	393.773.440.000	-	393.773.440.000	-
Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings	131.555.876.205	-	131.555.876.205	-
Công ty TNHH Tiếp vận "K" Line – Gemadept	108.001.500.000	-	108.001.500.000	-
Công ty TNHH CJ Gemadept Shipping Holdings	104.620.023.000	-	104.620.023.000	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 3 NĂM 2024**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Golden Globe	103.823.882.496	(6.314.939.206)	103.823.882.496	(5.653.348.381)
Công ty TNHH Thương mại Quả Cầu Vàng	62.538.064.097	-	62.538.064.097	-
Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm	49.825.280.000	(15.939.234.707)	49.825.280.000	(16.046.012.894)
Các công ty liên kết khác	28.396.608.143	(18.754.608.143)	28.396.608.143	(18.754.608.143)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5.000.000.000	(2.460.351.427)	5.000.599.762	(2.279.724.101)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam ⁽ⁱ⁾	-	-	599.762	-
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Trí Tuệ Việt Nam	5.000.000.000	(2.460.351.427)	5.000.000.000	(2.279.724.101)
Cộng	5.474.731.262.446	(959.828.163.727)	5.691.705.914.413	(974.274.524.143)

(i) Giám do thoái vốn.

(ii) Tăng do góp vốn bổ sung.

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(974.274.524.143)	(779.085.761.791)
Hoàn nhập/ (dự phòng) trong kỳ	14.446.360.416	(102.023.705.230)
Số cuối kỳ	(959.828.163.727)	(881.109.467.021)

2c. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến 12 tháng.

2d. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn

Khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 24 tháng.

2e. Giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Trong kỳ, Công ty phát sinh các giao dịch trọng yếu với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Hoa Sen Thái Bình Dương		
Góp vốn	115.557.122.795	-
Công ty Cổ phần Niềm Kiêu Hân Thái Bình Dương		
Góp vốn	68.201.825.000	69.651.725.000
Công ty TNHH Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương		
Góp vốn	13.150.000.000	1.600.000.000
Chi hộ	282.708.000	257.640.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 3 NĂM 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải (đến ngày 18 tháng 03 năm 2024)

Doanh thu cho thuê tài sản	-	1.229.032.258
Doanh thu dịch vụ	-	1.875.050.977
Cổ tức được chia	30.807.349.866	34.993.000.000
Chi hộ	-	28.735.225

Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ

Doanh thu cho thuê tài sản	19.781.331.391	12.470.570.179
Doanh thu dịch vụ	13.793.172.363	9.284.526.999
Cổ tức được chia	114.210.000.000	30.456.000.000
Cho vay	449.000.000.000	162.000.000.000
Lãi cho vay	11.598.246.577	4.061.095.890

Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ (đến ngày 31 tháng 05 năm 2023)

Doanh thu cho thuê tài sản	-	3.257.488.479
Doanh thu dịch vụ	-	3.188.000.000
Cổ tức được chia	-	159.485.914.990
Vay	-	15.000.000.000
Cho vay	-	180.000.000.000
Chi hộ	-	13.496.340
Lãi vay	-	149.095.891

Công ty Cổ phần ICD Nam Hải

Doanh thu cho thuê tài sản	3.863.181.830	5.303.909.106
Doanh thu dịch vụ	1.188.479.394	1.986.928.596
Cho vay	-	16.000.000.000
Cổ tức được chia	7.800.000.000	7.800.000.000
Lãi cho vay	3.705.369.864	5.350.575.343
Chi hộ	-	16.275.608

Công ty TNHH Cảng Phước Long

Doanh thu cho thuê tài sản	35.909.722.558	4.810.909.087
Doanh thu dịch vụ	4.787.405.901	4.500.829.379
Lợi nhuận được chia	237.000.000.000	42.000.000.000
Vay	-	330.000.000.000
Lãi vay	-	3.646.219.178
Chi hộ	-	60.063.408

Công ty Cổ phần Cảng Bình Dương

Doanh thu cho thuê tài sản	3.915.000.000	3.915.000.000
Doanh thu dịch vụ	5.359.478.679	4.917.433.624
Vay	-	30.000.000.000
Lãi vay	-	427.808.219

Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Bình Dương

Doanh thu cho thuê tài sản	24.459.677.419	15.780.000.000
Doanh thu dịch vụ	2.299.079.295	1.580.030.998

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 3 NĂM 2024**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Chi phí dịch vụ	-	5.600.000
Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Gemadept – Dung Quất		
Doanh thu cho thuê tài sản	423.454.543	488.454.543
Doanh thu dịch vụ	447.909.012	508.100.632
Cổ tức được chia	16.320.000.000	16.320.000.000
Công ty Cổ phần Gemadept Miền Trung		
Doanh thu cho thuê tài sản	675.000.000	675.000.000
Doanh thu dịch vụ	224.545.590	233.203.572
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Gemadept		
Doanh thu dịch vụ	471.688.083	1.639.914.345
Chi hộ	996.684.000	604.284.000
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp V.N.M		
Lãi cho vay	4.368.986.301	6.547.027.398
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ		
Doanh thu cho thuê tài sản	3.240.000.000	3.240.000.000
Doanh thu dịch vụ	-	322.079.199
Cổ tức được chia	7.176.000.000	-
Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Hàng hải Thái Bình Dương		
Doanh thu dịch vụ	167.260.698	147.587.913
Chi phí dịch vụ	-	76.927.026
Chi hộ	-	42.068.288
Cho vay	2.000.000.000	-
Lãi cho vay	4.602.740	-
Góp vốn	4.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hải Thái Bình Dương		
Doanh thu dịch vụ	195.600.000	651.106.812
Vay	-	25.000.000.000
Góp vốn	6.500.000.000	-
Lãi vay	-	88.150.685
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link		
Doanh thu dịch vụ	24.947.113.556	658.371.850
Cho vay	-	35.000.000.000
Lãi cho vay	53.260.274	43.150.685
Chi hộ	-	59.456.352
Công ty TNHH Tiếp vận "K" Line – Gemadept		
Doanh thu cho thuê văn phòng	295.990.500	295.171.527

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 3 NĂM 2024**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Lợi nhuận được chia	15.000.000.000	10.000.000.000
<i>Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm</i>		
Lãi cho vay	141.668.999	156.978.740
Chi hộ	94.439.638	82.636.364
<i>Công ty Cổ phần Thương cảng Vũng Tàu</i>		
Cổ tức được chia	1.542.720.000	964.200.000
<i>Công ty Cổ phần Mekong Logistics</i>		
Doanh thu dịch vụ	111.476.250	110.160.000
<i>Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept</i>		
Doanh thu cho thuê tài sản	47.500.587.584	46.774.218.690
Doanh thu dịch vụ	1.846.907.408	-
Chi phí dịch vụ	-	98.531.942.397
Thu hộ	25.842.921.185	24.836.363.666
Chi hộ	35.284.522.593	28.989.953.203
<i>Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Gemadept</i>		
Doanh thu cho thuê tài sản	1.090.759.538	2.474.272.738
Doanh thu dịch vụ	615.418.173	98.945.577
Chi hộ	-	17.250.304
<i>Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept</i>		
Doanh thu cho thuê tài sản	2.832.226.932	3.219.298.920
Doanh thu dịch vụ	43.524.600	39.364.691
Chi hộ	202.025.098	330.580.999
Thu hộ	4.966.289.223	-
<i>Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn</i>		
Cổ tức được chia	102.351.102.000	119.409.619.000

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	124.688.110.219	122.442.941.002
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept	14.841.590.718	12.794.013.575
Công ty Cổ phần ICD Nam Hải	4.433.328.666	9.837.402.868
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept	318.417.424	791.205.408
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ	777.600.000	778.400.000
Công ty TNHH Cảng Phước Long	9.142.776.708	3.432.287.362
Công ty Cổ phần Cảng Bình Dương	2.225.874.882	782.084.605
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link	77.858.939.861	52.911.826.305
Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ	8.175.530.175	33.173.924.658
Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Bình Dương	6.491.779.030	5.350.633.270
Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Hàng hải Thái Bình Dương	40.142.568	28.328.806

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 3 NĂM 2024**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Tiếp vận "K" Line – Gemadept	-	3.787.776
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển hạ tầng Gemadept	-	1.180.738.326
Công ty Cổ phần Gemadept Miền Trung	107.945.471	-
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	-	76.583.880
Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	90.763.626	-
Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hải Thái Bình Dương	-	334.162.141
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Gemadept	183.421.090	967.562.022
Phải thu các khách hàng khác	10.241.771.049	7.580.780.547
Các khách hàng khác	10.241.771.049	7.580.780.547
Cộng	134.929.881.268	130.023.721.549
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Bông Sen Vàng	22.192.800.000	22.192.800.000
Công ty Cổ phần Hàng hải Ngân Hà	6.983.853.003	6.983.853.003
Các nhà cung cấp khác	6.802.783.399	4.341.496.157
Cộng	35.979.436.402	33.518.149.160
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn/ dài hạn		
5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cho các bên liên quan vay	99.623.500.000	295.623.500.000
Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ	-	162.000.000.000
Công TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp V.N.M	97.000.000.000	97.000.000.000
Công ty Cổ phần ICD Nam Hải	-	16.000.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept-Terminal Link	-	18.000.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm	2.623.500.000	2.623.500.000
Cho các tổ chức khác vay	80.000.000.000	249.084.487.801
Cộng	179.623.500.000	544.707.987.801
5b. Phải thu về cho vay dài hạn		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cho các bên liên quan vay	498.000.000.000	74.500.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ	425.000.000.000	-
Công ty Cổ phần ICD Nam Hải	73.000.000.000	74.500.000.000
Cộng	498.000.000.000	74.500.000.000
6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác		
6a. Phải thu ngắn hạn khác		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	491.911.801.688	326.302.608.735
Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Thái Bình Dương – Chi hộ	95.466.320.625	94.281.395.690
Công ty TNHH Cảng Phước Long – Lợi nhuận được chia	322.000.000.000	85.000.000.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 3 NĂM 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần ICD Nam Hải – Lãi cho vay	2.818.931.508	7.021.726.029
Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ – Lãi cho vay	4.261.643.836	825.534.247
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ – Cổ tức	12.083.306.845	6.407.306.845
Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Hàng hải Thái Bình Dương – Lợi nhuận được chia	11.000.000.000	11.000.000.000
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương – Chi hộ	102.144.000	1.692.467.067
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Gemadept – Chi hộ	996.684.000	-
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept – Chi hộ	202.025.098	-
Công ty TNHH ISS – Gemadept – Lợi nhuận được chia	-	7.133.203.017
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept – Chi hộ	36.749.500	682.511.484
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn - Cổ tức	-	68.234.068.000
Công TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp V.N.M - Lợi nhuận được chia.	12.000.000.000	13.639.424.638
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept-Terminal Link – Lãi cho vay	-	20.712.329
Công ty TNHH Golden Globe – Chi hộ	27.462.093.750	27.118.465.500
Các bên liên quan khác	3.481.902.526	3.245.793.889
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	55.630.383.708	39.110.058.094
Công ty TNHH Sông Hằng – Góp vốn hợp tác thực hiện dự án cảng tổng hợp Lê Chân	4.000.000.000	4.000.000.000
Tạm ứng	37.237.228.417	3.962.183.061
Các khoản đặt cọc ngắn hạn	3.379.674.700	8.248.598.738
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	11.013.480.591	22.899.276.295
Cộng	547.542.185.396	365.412.666.829

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Mặt Trời Đông Dương – Góp vốn hợp tác thực hiện dự án Khu dịch vụ hậu cần logistics	18.000.000.000	18.000.000.000
Các khoản đặt cọc dài hạn	5.012.606.113	44.073.675
Cộng	23.012.606.113	18.044.073.675

7. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
Bên liên quan		6.105.402.526		5.869.293.889
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm – Cho vay và lãi cho vay		6.105.402.526		5.869.293.889
Các tổ chức và cá nhân khác		28.455.855.652		28.455.855.652

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 3 NĂM 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị đã lập dự phòng		Giá gốc	Giá trị đã lập dự phòng
Công ty TNHH	Trên 03 năm	4.000.000.000	(4.000.000.000)	Trên 03 năm	4.000.000.000	(4.000.000.000)
Sông Hằng	Trên 03 năm	3.000.000.000	(3.000.000.000)	Trên 03 năm	3.000.000.000	(3.000.000.000)
Bà Nguyễn Thị Hong Linh	Trên 03 năm	21.455.855.652	(21.455.855.652)	Trên 03 năm	21.455.855.652	(21.455.855.652)
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	Trên 03 năm	34.561.258.178	(34.561.258.178)	Trên 03 năm	34.325.149.541	(34.325.149.541)
Cộng						

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(34.325.149.541)	(10.195.134.184)
Trích lập dự phòng bổ sung	(236.108.637)	(239.615.104)
Số cuối kỳ	(34.561.258.178)	(10.434.749.288)

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nhiên liệu trên tàu	4.715.519.544	-	3.932.496.735	-
Hàng hóa	152.860.885	-	25.172.142	-
Cộng	4.868.380.429	-	3.957.668.877	-

9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	758.417.156	433.136.467
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.741.356.066	1.881.862.854
Cộng	4.499.773.222	2.314.999.321

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi thuê tài chính container	10.781.426	3.853.156.707
Các chi phí trả trước dài hạn khác	3.154.083.818	3.827.675.048
Cộng	3.164.865.244	7.680.831.755

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	5.091.301.224	67.016.636.482	1.296.035.749.990	9.963.002.516	1.378.106.690.212
Tăng trong kỳ	-	-	61.046.569.872	10.765.389.450	71.811.959.322
Giảm trong kỳ	-	-	(11.358.528.843)	-	(11.358.528.843)
Số cuối kỳ	5.091.301.224	67.016.636.482	1.345.723.791.019	20.728.391.966	1.438.560.120.691
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	5.091.301.224	29.505.688.224	431.588.847.873	8.957.609.903	475.143.447.224
Tăng trong kỳ	-	1.915.986.065	76.392.998.421	956.942.305	79.265.926.791
Giảm trong kỳ	-	-	(6.719.551.945)	-	(6.719.551.945)
Số cuối kỳ	5.091.301.224	31.421.674.289	501.262.294.349	9.914.552.208	547.689.822.070

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 3 NĂM 2024**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	-	37.510.948.258	864.446.902.117	1.005.392.613	902.963.242.988
Số cuối kỳ	-	35.594.962.193	844.461.496.670	10.813.839.758	890.870.298.621

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 630.257.802.090 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Ba Mươi Tháng Tư.

11. Tài sản cố định thuê tài chính

	Thiết bị và phương tiện vận tải
Nguyên giá	
Số đầu năm	235.413.682.251
Số cuối kỳ	235.413.682.251
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	219.007.268.162
Khấu hao trong kỳ	16.362.185.852
Số cuối kỳ	235.369.454.014
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	16.406.414.089
Số cuối kỳ	44.228.237

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.271.530.010	34.987.219.784	36.258.749.794
Tăng trong kỳ	-	192.500.000	192.500.000
Số cuối kỳ	1.271.530.010	35.179.719.784	36.451.249.794
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	22.480.424.986	22.480.424.986
Khấu hao trong kỳ	-	2.884.236.430	2.884.236.430
Số cuối kỳ	-	25.364.661.416	25.364.661.416
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	1.271.530.010	12.506.794.798	13.778.324.808
Số cuối kỳ	1.271.530.010	9.815.058.368	11.086.588.378

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 3 NĂM 2024**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí mua sắm tài sản cố định. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Chi phí mua cầu, xe nâng, xà lan	47.106.083.703	-	(46.901.083.703)	205.000.000
Phần mềm ORC	1.355.175.442	-	-	1.355.175.442
Phần mềm BOS	-	423.857.550	-	423.857.550
Cộng	48.461.259.145	423.857.550	(46.901.083.703)	1.984.032.992

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	4.178.034.221	4.505.421.174
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept	3.427.153.873	3.382.050.615
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept	-	292.943.520
Công ty Cổ phần Mekong Logistics	750.880.348	830.427.039
Phải trả các nhà cung cấp khác	19.741.018.788	20.607.561.147
Các nhà cung cấp khác	19.741.018.788	20.607.561.147
Cộng	23.919.053.009	25.112.982.321

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**16a. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước phát sinh tại Việt Nam**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp	Phải thu
Thuế thu nhập doanh nghiệp	428.246.621	-	29.474.377.360	-
Thuế thu nhập cá nhân	483.317.447	-	1.400.018.878	-
Thuế nhà thầu	120.167.146	436.513.517	-	77.231.979
Cộng	1.031.731.214	436.513.517	30.874.396.238	77.231.979

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 0%, 8% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 3 NĂM 2024**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****16b. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước phát sinh tại Campuchia**

Số phải nộp đầu năm là 6.966.195.450 VND. Trong kỳ, Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và hoàn tất giải thể Chi nhánh Campuchia.

17. Phải trả người lao động

Tiền lương và các khoản khác phải trả công nhân viên

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	1.014.148.522	1.064.249.497
Chi phí lãi vay	230.603.385	384.039.297
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	783.545.137	680.210.200
Cộng	1.014.148.522	1.064.249.497

19. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	1.493.834.700	2.427.462.203
Công ty Cổ phần Niềm Kiêu Hân Thái Bình Dương – Chi hộ	566.531.235	566.531.235
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept – Thu hộ, phải trả khác	806.312.038	-
Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Gemadept Dung Quất - Phải trả khác	-	86.675.930
Công ty Cổ phần Gemadept Miền Trung - Phải trả khác	-	12.467.494
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Gemadept – Phải trả khác	48.686.927	1.682.245.813
Công ty TNHH Tiếp vận "K" Line – Gemadept – Nhận đặt cọc cho thuê văn phòng	72.304.500	72.304.500
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link– Phải trả khác	-	7.237.231
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	203.210.621.720	185.719.014.919
Nhận đặt cọc để chuyển nhượng công ty con	-	20.000.000.000
Các khoản thu hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	2.602.411.102	1.708.392.788
Các khoản nhận đặt cọc ngắn hạn	547.891.929	746.630.543
Cổ tức phải trả	213.311.400	212.276.850
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	199.847.007.289	163.051.714.738
Cộng	204.704.456.420	188.146.477.122

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 3 NĂM 2024**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn****20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</i>	79.123.134.894	133.552.700.266
Vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	-	2.241.705.000
Vay Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) – CN Hà Nội.	539.546.300	-
Vay Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited – CN Tp.HCM	5.478.064.995	4.055.384.068
Vay Ngân hàng Đại Chúng TNHH Kasikorn– CN Tp.HCM	-	7.790.369.734
Vay dài hạn đến hạn trả	72.894.881.176	95.224.227.975
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	210.642.423	24.241.013.489
Cộng	79.123.134.894	133.552.700.266

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

20b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	189.850.516.235	238.939.340.409
Vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	148.132.186.943	182.344.070.619
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ba Mươi Tháng Tư	41.718.329.292	56.595.269.790
<i>Nợ thuê tài chính</i>	-	20.309.471
Thuê tài chính Global Container International LLC	-	20.309.471
Cộng	189.850.516.235	238.959.649.880

21. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng phải trả ngắn hạn khác	-	1.752.276.539
Cộng	-	1.752.276.539

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty bao gồm: quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và Quỹ Hội đồng quản trị.

23. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả chủ yếu là khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của khoản mục tiền và các khoản phải thu. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 3 NĂM 2024**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****24. Vốn chủ sở hữu****24a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Vốn góp của chủ sở hữu	3.058.985.570.000	45.884.000.000	-	3.104.869.570.000
Thặng dư vốn cổ phần	1.941.832.197.040	-	-	1.941.832.197.040
Vốn khác của chủ sở hữu	69.388.382.902	-	-	69.388.382.902
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(1.656.595.460)	-	(296.101.007)	(1.952.696.467)
Quỹ đầu tư phát triển	72.682.100.796	-	-	72.682.100.796
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	69.568.035.889	-	-	69.568.035.889
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.848.842.866.762	610.974.085.488	(749.338.448.310)	1.710.478.503.940
Tổng cộng	7.059.642.557.929	656.858.085.488	(749.634.549.317)	6.966.866.094.100

24b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	310.486.957	305.898.557
- Cổ phiếu phổ thông	310.486.957	305.898.557
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	310.486.957	305.898.557
- Cổ phiếu phổ thông	310.486.957	305.898.557
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động logistics	389.356.041.189	576.250.381.389
Doanh thu cho thuê văn phòng và doanh thu khác	792.058.692	874.521.743
Cộng	390.148.099.881	577.124.903.132

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan được trình bày ở thuyết minh số V.2c.

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hoạt động logistics.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 3 NĂM 2024**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	24.721.299.613	27.443.510.438
Lãi tiền cho vay	32.411.919.052	21.780.830.858
Lãi thanh lý khoản đầu tư tài chính dài hạn	802.429.392	2.091.678.696.301
Lãi bán chứng khoán kinh doanh	4.885.231.138	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	538.150.171.866	421.428.733.990
Lãi chênh lệch tỷ giá	8.571.783.477	8.249.752.340
Cộng	609.542.834.538	2.570.581.523.927

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	18.745.645.319	27.921.485.994
Lỗ chênh lệch tỷ giá	7.113.327.126	2.501.604.080
Dự phòng/ (Hoàn nhập) chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(22.960.554.251)	106.238.719.660
Chi phí tài chính khác	300.079.808	-
Cộng	3.198.498.002	136.661.809.734

5. Chi phí bán hàng

Chi phí hoa hồng môi giới, chi phí khác cho hoạt động bán hàng.

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	57.848.807.339	51.425.149.313
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	1.076.651.743	434.786.506
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.118.765.017	5.851.744.770
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	236.108.637	239.615.104
Chi phí thuê văn phòng	14.380.321.633	14.512.729.680
Các chi phí khác	41.781.859.649	34.494.129.204
Cộng	121.442.514.018	106.958.154.577

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý tài sản cố định	1.836.046.132	1.690.770.000
Các khoản thu nhập khác	10.995.629.264	1.055.466.993
Cộng	12.831.675.396	2.746.236.993

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bồi thường	38.250.000.000	1.150.847.500
Các khoản chi phí khác	-	4.690.567.610
Cộng	38.250.000.000	5.841.415.110

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 3 NĂM 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	20.983.095.732	22.506.513.765
Chi phí nhân công	84.453.747.175	71.069.076.019
Chi phí khấu hao tài sản cố định	98.489.275.596	79.314.662.186
Chi phí dịch vụ mua ngoài	65.855.202.168	141.762.187.277
Chi phí khác	45.047.478.410	40.146.617.800
Cộng	314.828.799.081	354.799.057.047

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác và không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	16.056.694.084	14.478.380.017
Thu nhập khác	4.170.000.000	3.076.666.674
Cộng	20.226.694.084	17.555.046.691

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Hoa Sen Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ	Công ty con
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải (đến 18 tháng 03 năm 2024)	Công ty con
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ (đến 31 tháng 05 năm 2023)	Công ty con
Công ty TNHH Cảng Phước Long	Công ty con
Công ty Cổ phần Niêm Kiều Hạnh Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty Cổ phần ICD Nam Hải	Công ty con
Công ty Cổ phần Gemadept Vũng Tàu	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Gemadept	Công ty con

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- T.C.P. ★ H.N.

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.6, V.15, V.18, V.19 và V.20.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 3 NĂM 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế

	<u>9 tháng đầu năm 2024</u>	<u>9 tháng đầu năm 2023</u>	<u>Chênh lệch giảm</u>
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	610.974.085.488	2.180.675.527.124	1.569.701.441.636

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp 9 tháng đầu năm 2024 đạt 611 tỷ đồng, giảm gần 1.570 tỷ đồng so với 9 tháng đầu năm 2023. Nguyên nhân chủ yếu do khác biệt về lợi nhuận và quy mô ở các thương vụ chuyển nhượng vốn và hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 10 năm 2024

Vũ Thị Anh Thư
Người lập

Khoa Năng Lưu
Kế toán trưởng




Nguyễn Thanh Bình
Tổng Giám đốc